

Bản án số: 22/2017/LĐ-PT
Ngày 22-9-2017
V/v tranh chấp bồi thường
trợ cấp tai nạn lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Xuân Đào
Ông Ngô Thanh Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Mai Văn Sinh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLPT-LĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 về “tranh chấp bồi thường trợ cấp tai nạn lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2017/LĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 45/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn M, sinh năm 1970; cư trú tại: khu phố A, phường L, thành phố N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Thế P, sinh năm 1987; cư trú tại: phường R, thành phố N, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Tấn T – Trung tâm tư vấn pháp luật C, thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn D; địa chỉ tại: khu công nghiệp E, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lai Chun G – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1971; cư trú tại: khu phố V, phường S, thành phố N, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2015).

- *Người kháng cáo:* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Thanh H.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

(Ông P và ông H có mặt, Luật sư T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Thế P trình bày:

Trước khi làm việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D (sau đây gọi tắt là Công ty D), ông Vũ Văn M (sau đây gọi tắt là ông M) đã bị tai nạn lao động với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động là 31% và đang được hưởng chế độ trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng là 460.000đ. Năm 2012, ông M vào làm việc tại Công ty D và bị tai nạn lao động lần 2. Ngày 28/11/2012, Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai ban hành biên bản giám định tổng hợp lao động số 08/BB-GĐYK về việc giám định mức độ suy giảm khả năng lao động tổng hợp của ông M là 52% vĩnh viễn (sau đây gọi tắt là biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012). Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay Công ty D không làm văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động cho ông M nên đã gây thiệt hại cho ông M hàng tháng không được nhận số tiền hưởng trợ cấp mới là 392.717đ, tính từ tháng 12/2012 đến tháng 4/2017 là 52 tháng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 43 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, ông M khởi kiện yêu cầu Công ty D phải bồi thường trợ cấp tai nạn lao động là 20.421.000đ, ngoài ra ông M không yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Thanh H trình bày:

Công ty D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M vì trách nhiệm trả tiền trợ cấp tai nạn lao động cho ông M là của cơ quan bảo hiểm xã hội. Công ty D không làm văn bản như ông M yêu cầu là do Công ty D không đồng ý với kết quả giám định tỷ lệ tai nạn lao động của ông M tại biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012 nên đã khiếu nại lên Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai. Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai đã quyết định thu hồi các bản kết quả giám định này (tổng cộng có 4 bản, trước đó đã bị thất lạc 01 bản).

Công ty D, ông M và Hội đồng giám định y khoa đã thống nhất không sử dụng kết quả trong biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012 và nhất trí chuyển toàn bộ hồ sơ cho phân viện Hội đồng giám định y khoa TW1 (bệnh viện chợ rẫy) để giám định lại tỷ lệ tai nạn lao động của ông M. Tuy nhiên, sau nhiều lần gửi giấy mời nhưng ông M không đi giám định lại tỷ lệ tai nạn lao động nên Công ty D không có cơ sở để làm “Văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động của người sử dụng lao

động”. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông M Công ty D không đồng ý. Công ty D yêu cầu ông M đi giám định lại tỷ lệ tai nạn lao động, mọi chi phí giám định, đi lại Công ty D chi trả và khi có kết quả giám định lại thì phía Công ty D sẽ làm văn bản đề nghị để ông M hưởng chế độ tai nạn lao động theo quy định.

Tại bản án sơ thẩm số: 01/2017/LĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện B áp dụng các Điều 32, 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 604, 605 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 142, 144 và 145 Bộ luật Lao động năm 2012; Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn D về việc “tranh chấp về bồi thường trợ cấp tai nạn lao động”.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải bồi thường trợ cấp tai nạn lao động tính đến hết tháng 4/2017 cho ông Vũ Văn M với số tiền là 20.421.550đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, về án phí và về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/4/2017, ông Trần Thanh H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M, đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 03/5/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B kháng nghị toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, theo bản luận cứ ngày 22/9/2017, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Yêu cầu khởi kiện của ông M buộc Công ty D bồi thường trợ cấp tai nạn lao động tính đến hết tháng 4/2017 số tiền 20.421.550đ là có căn cứ do: biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012 có giá trị pháp lý và Công ty D không làm văn bản đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết chế độ tai nạn lao động cho ông M theo quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ Điều 38 và Điều 39 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18 và khoản 1 Điều 19 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ, ông M thuộc đối tượng và đủ điều kiện hưởng trợ cấp tai nạn lao động.

Căn cứ Điều 18 và khoản 5 Điều 114 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, Công ty D có trách nhiệm làm văn bản gửi cơ quan bảo hiểm xã hội đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động xảy ra vào ngày 10/02/2012 cho ông M.

Về kết quả giám định tỷ lệ suy giảm khả năng lao động của ông M: Từ khi Công ty D đề nghị khám phúc quyết cho đến nay Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai vẫn chưa ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Công ty D theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Thông tư số 07/2010/TT-BYT ngày 05/4/2010 của Bộ Y tế và Công ty D cũng không có khiếu nại khác. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm đến nay, biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012 vẫn chưa bị thay thế bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nên vẫn có giá trị để xác định tỷ lệ suy giảm khả năng lao động của ông M.

Mặt khác, tại bản án phúc thẩm số: 16/2014/LĐ-PT ngày 27/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã căn cứ biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M về việc “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, yêu cầu bồi thường trợ cấp tai nạn, yêu cầu trả tiền bảo hiểm xã hội” đối với Công ty D. Hiện tại, hoàn cảnh của ông M rất khó khăn, bản thân ông M bị tai nạn lao động 02 lần. Vì vậy, việc giữ sự ổn định của bản án sơ thẩm sẽ giúp cho quyền lợi của ông M được bảo đảm nên cần giữ nguyên đường lối giải quyết của bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, do kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B là không có căn cứ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai căn cứ Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 rút kháng nghị. Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn, sửa án sơ thẩm về cách tuyên án và áp dụng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/9/2017, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Lê Tấn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Luật sư Lê Tấn T theo quy định pháp luật.

[2] Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Căn cứ vào điểm

b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

[3] Về kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Thanh H đề nghị Tòa án đưa Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét yêu cầu của ông Trần Thanh H là không có cơ sở vì: theo khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ được tự mình đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*”. Ông M khởi kiện Công ty D yêu cầu bồi thường trợ cấp tai nạn lao động do Công ty D không làm “*Văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động của người sử dụng lao động*”, Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai là cơ quan chuyên môn tiến hành giám định tỷ lệ suy giảm khả năng lao động của ông M theo quy định pháp luật nên tranh chấp giữa ông M và Công ty D không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

- Ông H cho rằng Công ty D không có lỗi khi không thực hiện thủ tục đề nghị để ông M được hưởng trợ cấp tai nạn lao động vì chưa có kết luận của Hội đồng giám định y khoa Trung ương I và các công văn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai, Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, Trung tâm giám định y khoa tỉnh Đồng Nai đều yêu cầu ông M phải giám định lại tỷ lệ thương tật tại Phân Hội đồng giám định y khoa Trung ương I, sau khi có kết quả mới có đủ cơ sở để Công ty D đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai thực hiện việc chi trả trợ cấp tai nạn lao động cho ông M. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về giá trị pháp lý của biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012 của Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai:

Xét tuy Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai có các văn bản số 61/HĐ-GĐYK ngày 16/12/2015 và văn bản số 02/HĐ-GĐYK ngày 08/01/2016 xác định biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012 không có giá trị pháp lý do Công ty D đã có văn bản khiếu nại không đồng ý với kết luận giám định trên và biên bản trên đã bị thu hồi; tại biên bản làm việc ngày 01/02/2013, giữa Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai, Công ty D và ông M thống nhất không sử dụng biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012, đồng thời chuyển toàn bộ hồ sơ của ông M lên Phân Hội đồng giám định y khoa trung ương I để giám định lại, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai không đưa ra căn cứ pháp lý khi thu hồi biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao

động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012 đã ban hành; Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai cũng không giải quyết khiếu nại của Công ty D theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Thông tư 07/2010/TT-BYT ngày 05/4/2010 của Bộ Y tế và cho đến nay vẫn chưa có văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền thay thế biên bản trên; cùng việc ông M tuy ban đầu thỏa thuận đi giám định lại nhưng sau đó thay đổi ý kiến không làm thay đổi nội dung kết luận của biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012. Mặt khác, biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012 đã được Tòa án nhân dân huyện B và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xác định là chứng cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường trợ cấp tai nạn lao động khi ông M khởi kiện lần đầu (bản án số 01/2014/LĐ-ST ngày 13/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện B và bản án số 16/2014/LĐ-PT ngày 27/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đều đã có hiệu lực pháp luật và Công ty D đã thi hành án xong). Do đó, quá trình giải quyết vụ án tranh chấp bồi thường trợ cấp tai nạn lao động này của ông M, Tòa án cấp sơ thẩm xác định biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012 có giá trị pháp lý và không tiến hành trưng cầu giám định lại là đúng quy định pháp luật.

+ Về yêu cầu Công ty D bồi thường trợ cấp tai nạn lao động với số tiền là 20.421.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 10/02/2012, trong thời gian đang làm việc, ông M bị té ngã dẫn đến trật khớp khuỷu tay phải, gãy xương thuyên phải và phải điều trị tại bệnh viện nên ông M thuộc đối tượng và đủ điều kiện hưởng trợ cấp tai nạn lao động theo Điều 38 và 39 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006.

Ngày 08/8/2016 Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai có văn bản số 745/BHXXH-VP về việc trả lời chế độ bảo hiểm xã hội trong trường hợp bị tai nạn lao động nhiều lần (BL 133, 134), theo đó hồ sơ đề nghị giải quyết hưởng trợ cấp tai nạn lao động của người lao động được giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động bắt buộc phải có văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động của người sử dụng lao động. Tại văn bản số 91/BHXXH-CĐBHXXH ngày 13/02/2017 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai (BL 306) thì từ năm 2012 đến nay Bảo hiểm xã hội Đồng Nai không nhận được hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động tổng hợp lần 2 của ông M theo Quyết định số 777/QĐ-BHXXH ngày 17/5/2010 của Tổng giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam". Công ty D cũng xác nhận không làm văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động do ông M không đi giám định lại. Tuy nhiên, như đã nhận định trên thì biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012 có giá trị pháp lý. Do đó, Công ty D không làm văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động cho ông M theo quy định tại Điều 114 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 là lỗi hoàn toàn của Công ty D. Do đó, căn cứ vào Điều 604 và Điều 605 Bộ luật Dân sự năm 2005, Tòa án sơ thẩm buộc Công ty D phải có trách nhiệm bồi thường trợ cấp tai nạn lao động theo tỷ lệ suy giảm khả năng lao động mới cho ông M là đúng quy định pháp luật.

+ Về số tiền bồi thường trợ cấp tai nạn lao động: Căn cứ vào Điều 43 và Điều 44 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, Công ty D phải bồi thường trợ cấp tai nạn lao động đến hết tháng 4/2017 cho ông M như sau:

Ông M bị suy giảm 31% thì được hưởng 30% mức lương tối thiểu chung, 21% còn lại thì hưởng 42% mức lương tối thiểu chung, tổng cộng là 72%. Ngoài ra, ông M có hơn 3 năm tham gia bảo hiểm xã hội, nên còn được hưởng thêm số tiền trợ cấp theo số năm đóng bảo hiểm xã hội là $1,1\% \times (0,5\% + 0,6\%) \times 2.223.000đ = 24.453đ/tháng$ (mức lương của ông M trước khi nghỉ việc là 2.223.000đ/tháng). Từ tháng 12/2012 đến tháng 4/2017 là 52 tháng, cụ thể số tiền ông M được trợ cấp bồi thường tai nạn lao động như sau:

Từ tháng 12/2012 đến tháng 6/2013 là 7 tháng: $72\% \times 1.050.000đ \times 7 - 7 \times 460.000đ = 2.072.000đ$ (mức lương tối thiểu chung là 1.050.000đ/tháng theo Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ);

Từ tháng 7/2013 đến tháng 4/2016 là 33 tháng: $72\% \times 1.150.000đ \times 33 - 33 \times 460.000đ = 12.144.000đ$ (mức lương tối thiểu chung là 1.150.000đ/tháng theo Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013);

Từ tháng 5/2016 đến tháng 4/2017 là 12 tháng: $72\% \times 1.210.000đ \times 12 - 12 \times 460.000đ = 4.934.000đ$ (mức lương tối thiểu chung là 1.210.000đ/tháng theo Nghị Quyết số 99/2015/NQ-QH ngày 11/11/2015 của Quốc hội).

Đối với khoản trợ cấp theo số năm đóng bảo hiểm xã hội của ông M được tính như sau: $24.453đ \times 52 tháng = 1.271.556đ$.

Như vậy, tổng số tiền Công ty D phải bồi thường trợ cấp tai nạn lao động cho ông M đến hết tháng 4/2017 là 20.421.550đ.

[4] Về cách tuyên án: Trong vụ án này, do Công ty D có lỗi khi không làm văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động cho ông M nên phải trả bồi thường trợ cấp tai nạn lao động cho ông M; tuy nhiên, trách nhiệm chi trả bồi thường trợ cấp tai nạn lao động cho người lao động là của cơ quan Bảo hiểm xã hội nên bản án sơ thẩm không buộc Công ty D có trách nhiệm làm văn bản gửi cơ quan bảo hiểm xã hội đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động cho ông M đối với lần ông M bị tai nạn lao động lần 02 xảy ra vào ngày 10/02/2012 khi đang làm việc tại Công ty D là thiếu sót.

[5] Về áp dụng pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 để giải quyết vụ án là chính xác nhưng không viện dẫn cụ thể từng điều luật áp dụng là thiếu sót.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm buộc Công ty D phải bồi thường trợ cấp tai nạn lao động đến hết tháng 4/2017 cho ông M số tiền 20.421.550đ là đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trần Thanh H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án và áp dụng pháp luật.

[6] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên Công ty D không phải chịu án phí lao động phúc thẩm, Công ty D phải chịu 612.646đ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 289 và khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số: 01/2017/LĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B về “tranh chấp bồi thường trợ cấp tai nạn lao động” giữa nguyên đơn ông Vũ Văn M với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

- Áp dụng Điều 604 và Điều 605 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 142, Điều 144 và Điều 145 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 18, Điều 43, Điều 44 và Điều 114 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn D về việc “tranh chấp về bồi thường trợ cấp tai nạn lao động”.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải bồi thường trợ cấp tai nạn lao động tính đến hết tháng 4/2017 cho ông Vũ Văn M với số tiền là 20.421.550đ (hai mươi triệu bốn trăm hai mươi một nghìn năm trăm năm mươi đồng).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D có trách nhiệm làm văn bản gửi cơ quan bảo hiểm xã hội đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động cho ông Vũ Văn M đối với lần ông Vũ Văn M bị tai nạn lao động lần 02 xảy ra vào ngày 10/02/2012 khi đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

Kể từ ngày ông Vũ Văn M có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn D chậm thi hành án thì Công ty trách nhiệm hữu hạn D còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải nộp 612.646đ án phí lao động sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty trách nhiệm hữu hạn D đã nộp theo biên lai số 005205 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải nộp tiếp số tiền 312.646đ (ba trăm mười hai nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Triệu Thị Huỳnh Hoa**

